



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ II YÊN BÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT

VPGD: P1206 - Tầng 12, Tòa nhà C37 - T01, Sảnh A, phố Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0979 293 888

Email: tinhbt.daiviet@gmail.com

www.vinaudit.vn

MỤC LỤC

Nội dung

Trang

TƯỜNG VINH CHENG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ II YÊN BÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

MỤC LỤC

Công ty Cổ phần Quốc độ II Yên Bái là một nhà thầu xây dựng được thành lập theo Quyết định số 3014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái và Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái. Công ty được thành lập theo Quyết định số 3014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái và Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái. Công ty được thành lập theo Quyết định số 3014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái và Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái.

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ II YÊN BÁI

Số nhà 173, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường Bộ II - Yên Bái là một pháp nhân, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014. Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường Bộ II - Yên Bái chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II - Yên Bái từ ngày 01/07/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200194312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2016 và thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 8 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 173, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ninh Thanh Tạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Ninh Thanh Tạo

Giám đốc

Ông Triệu Gia Phú

Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Ninh Thanh Tạo - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ II YÊN BÁI

Số nhà 173, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 19. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ninh Thanh Tạo
Giám đốc

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số : 041.2/2022/BCKT-TC-DAIVIET

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II Yên Bái**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II Yên Bái, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Bùi Thị Tĩnh****Chủ tịch HĐQT**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1027-2018-296-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Lê Văn Hiệp**Kiểm toán viên**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5001-2021-296-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.342.076.544	5.296.856.227
I- Tiền, tương đương tiền	110	V.1	1.612.682.644	1.307.448.427
1. Tiền	111		182.682.644	107.448.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.430.000.000	1.200.000.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.591.233.000	3.850.394.200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.416.474.000	3.537.386.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	174.759.000	313.008.200
III- Hàng tồn kho	140	V.5	138.160.900	139.013.600
1. Hàng tồn kho	141		138.160.900	139.013.600
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		912.070.676	1.206.715.176
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		50.000.000	50.000.000
II- Tài sản cố định	220		775.268.176	1.092.715.176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	775.268.176	1.069.524.576
- Nguyên giá	222		5.109.621.080	5.563.257.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.334.352.904)	(4.493.732.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	23.190.600
- Nguyên giá	228		184.744.600	184.744.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(184.744.600)	(161.554.000)
III- Tài sản dài hạn khác	260		86.802.500	64.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	86.802.500	64.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.254.147.220	6.503.571.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		331.079.781	834.283.898
I- Nợ ngắn hạn	310		199.151.181	702.355.298
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.287.000	23.287.000
2. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.8	42.791.869	316.762.186
3. Phải trả người lao động	314		-	97.300.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	81.980.900	109.934.100
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		71.091.412	155.072.012
II- Nợ dài hạn	330		131.928.600	131.928.600
1. Phải trả nội bộ dài hạn	335		131.928.600	131.928.600
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.923.067.439	5.669.287.505
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.10	4.923.067.439	5.669.287.505
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.647.900.000	5.647.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		5.647.900.000	5.647.900.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(724.832.561)	21.387.505
LNST chưa phân phối lũy kế đến	421a		21.387.505	176.136.215
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(746.220.066)	(154.748.710)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.254.147.220	6.503.571.403

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ninh Thanh Tạo

Giám đốc

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***Mẫu B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.353.023.737	11.384.190.900
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.353.023.737	11.384.190.900
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.406.903.822	8.803.226.741
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		946.119.915	2.580.964.159
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.107.119	49.196.988
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	120.000	31.271.795
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.000	31.271.795
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.779.475.874	2.752.238.062
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(792.368.840)	(153.348.710)
10. Thu nhập khác	31	VI.5	61.818.200	-
11. Chi phí khác	32	VI.5	15.669.426	1.400.000
12. Lợi nhuận khác	40		46.148.774	(1.400.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(746.220.066)	(154.748.710)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(746.220.066)	(154.748.710)



Ninh Thanh Tạo

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ II YÊN BÁI**Báo cáo tài chính**

Số nhà 173, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(746.220.066)	(154.748.710)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	317.447.000	317.444.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(102.925.319)	(49.196.988)
- Chi phí lãi vay	06	120.000	31.271.795
2. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu	08	(531.578.385)	144.770.097
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.259.161.200	2.451.405.800
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	852.700	194.668.800
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(503.204.117)	(470.885.674)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22.802.500)	26.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(120.000)	(31.271.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(63.257.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	202.308.898	2.251.430.028
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền thu thanh lý TSCĐ	22	61.818.200	-
2. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	41.107.119	49.196.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	102.925.319	49.196.988
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	550.000.000	1.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(550.000.000)	(2.190.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.190.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	305.234.217	1.110.627.016
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.307.448.427	196.821.411
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.612.682.644	1.307.448.427



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ninh Thanh Tạo

Giám đốc

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn.**

Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường Bộ II - Yên Bái là một pháp nhân, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014. Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường Bộ II - Yên Bái chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ II - Yên Bái từ ngày 01/07/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200194312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2016 và thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 8 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 173, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của doanh nghiệp theo đăng ký kinh doanh là 5.647.900.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là Xây dựng Công trình giao thông;

3. Ngành nghề kinh doanh.

- ✓ Quản lý, bảo trì đường bộ Trung ương và địa phương, quản lý hệ thống hành lang an toàn đường bộ; hệ thống công trình cầu cống đường bộ; hệ thống công trình chỉ dẫn, báo hiệu trật tự an toàn giao thông;
- ✓ Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt và bảo vệ các công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ an toàn giao thông, đảm bảo giao thông trong phạm vi quản lý; Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng; Khảo sát, thiết kế các công trình giao thông; Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

- 6.1. Danh sách các công ty con; Không có; Danh sách các công ty liên doanh, liên kết; Không có
- 6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Không có

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2021 được trình bày mang tính so sánh.

8. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 16 người.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.****1. Kỳ kế toán năm.**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.****1. Chế độ kế toán áp dụng.**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính năm trước.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)****2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)**

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Tài sản cố định hữu hình**Thời gian sử dụng**

Nhà cửa, vật kiến trúc

6 - 25 năm

Máy móc, thiết bị

6 - 15 năm

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6 - 10 năm

Thiết bị văn phòng

5 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

49 năm

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn
- Lợi thế thương mại

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông Công ty góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (a) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (b) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế GTGT.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
 - Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối khối lượng công việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường bộ hoàn thành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Thuế khác
 - Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	67.030.400	10.171.700
Tiền gửi ngân hàng	115.652.244	97.276.727
Các khoản tương đương tiền	1.430.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.612.682.644	1.307.448.427

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.416.474.000	3.537.386.000
Ban QLQA bảo trì đường bộ- Sở GT	2.416.474.000	3.537.386.000
Cộng	2.416.474.000	3.537.386.000

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
b) Dài hạn	86.802.500	64.000.000
- Chi chi sửa chữa TSCĐ, CCDC	86.802.500	64.000.000
Cộng	86.802.500	64.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Tiếp theo)

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	VNĐ		VNĐ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	174.759.000	-	313.008.200	-
- Phải thu về cổ phần hoái;	169.250.000	-	102.500.000	-
- Tạm ứng	-	-	205.000.100	-
- Phải thu khác.	5.509.000	-	5.508.100	-
Khác	5.509.000	-	5.508.100	-
b) Dài hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ;	50.000.000	-	50.000.000	-
Cộng	224.759.000	-	363.008.200	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	VNĐ		VNĐ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	138.160.900	-	139.013.600	-

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

138.160.900	-	139.013.600	-
-------------	---	-------------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2021	4.309.657.243	644.545.600	556.363.637	52.691.000	5.563.257.480
Giảm trong năm	-	453.636.400	-	-	453.636.400
Thanh lý, nhượng bán, khác		453.636.400			453.636.400
Số dư 31/12/2021	4.309.657.243	190.909.200	556.363.637	52.691.000	5.109.621.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2021	3.367.405.867	517.272.400	556.363.637	52.691.000	4.493.732.904
Tăng trong năm	262.438.000	31.818.400	-	-	294.256.400
Khấu hao trong năm	262.438.000	31.818.400	-	-	294.256.400
Giảm trong năm	-	453.636.400	-	-	453.636.400
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	453.636.400	-	-	453.636.400
Số dư 31/12/2021	3.629.843.867	95.454.400	556.363.637	52.691.000	4.334.352.904
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	942.251.376	127.273.200	-	-	1.069.524.576
Tại ngày 31/12/2021	679.813.376	95.454.800	-	-	775.268.176

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn trong 49 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)	31/12/2021	Số phải nộp trong	Số đã thực nộp trong	01/01/2021
	VND	năm	năm	VND
Thuế giá trị gia tăng	42.791.869	341.969.200	615.939.517	316.762.186
Thuế tài nguyên	-	4.516.569	4.516.569	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	70.350.400	70.350.400	-
Các loại thuế khác	-	54.704.490	54.704.490	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	42.791.869	473.540.659	747.510.976	316.762.186

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	55.259.200	57.114.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.721.700	52.819.200
Cộng	81.980.900	109.934.100

(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	5.647.900.000	228.896.415	5.876.796.415
Chi khác		(52.760.200)	(52.760.200)
Lỗi năm trước		(154.748.710)	(154.748.710)
Số dư tại 31/12/2020	5.647.900.000	21.387.505	5.669.287.505
Số dư tại 01/01/2021	5.647.900.000	21.387.505	5.669.287.505
Lỗi năm nay		(746.220.066)	(746.220.066)
Số dư tại 31/12/2021	5.647.900.000	(724.832.561)	4.923.067.439

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của Nhà Nước	1.694.370.000	1.694.370.000
Vốn góp của đối tượng khác	3.953.530.000	3.953.530.000
Cộng	5.647.900.000	5.647.900.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	8.353.023.737	11.384.190.900
Cộng	8.353.023.737	11.384.190.900

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng đã bán	7.406.903.822	8.803.226.741
Cộng	7.406.903.822	8.803.226.741

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.107.119	49.196.988
Cộng	41.107.119	49.196.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	120.000	31.271.795
Cộng	120.000	31.271.795

5. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản khác	61.818.200	-
Cộng	61.818.200	-

Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Khác	15.669.426	1.400.000
Cộng	15.669.426	1.400.000

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.779.475.874	2.752.238.062
Chi phí nhân viên	891.086.300	1.223.317.200
Chi phí Khấu hao TSCĐ	262.438.000	285.626.000
Thuế, phí và lệ phí	93.934.351	18.694.000
Chi phí bằng tiền khác	532.017.223	1.224.600.862
Cộng	1.779.475.874	2.752.238.062

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.386.611.222	2.722.544.841
Chi phí nhân công	1.669.712.900	3.619.349.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.447.000	317.444.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	965.132.700	1.716.089.900
Chi phí khác bằng tiền	385.447.000	744.680.800
Cộng	7.724.350.822	9.120.109.041

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

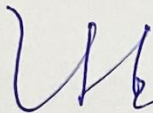
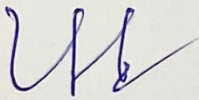
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)

2. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.



Ninh Thanh Tạo

Giám đốc

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

